

BỘ CÔNG THƯƠNG

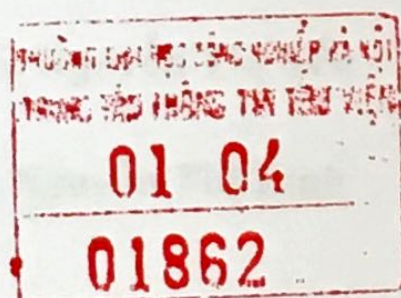
CHI PHÍ VÀ NĂNG LỰC LOGISTICS TẠI VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

**CHI PHÍ VÀ NĂNG LỰC
LOGISTICS
TẠI VIỆT NAM**



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Đồng chủ biên:

ThS. Phạm Thanh Hà

TS. Trịnh Thị Thanh Thủy

PGS. TS Trịnh Thị Thu Hương

Tham gia biên soạn:

ThS. Lê Mỹ Hương

ThS. Nguyễn Thị Yên

TS. Nguyễn Thị Bình

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TỪ VIẾT TẮT	NỘI DUNG
CNTT	Công nghệ thông tin
CSHT	Cơ sở hạ tầng
DN	Doanh nghiệp
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment)
GTVT	Giao thông vận tải
LPI	Chỉ số năng lực logistics (Logistics performance index)
LSP	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics (Logistics Service Provider)
QLNN	Quản lý nhà nước
TFA	Hiệp định tạo thuận lợi thương mại (Trade Facilitation Agreement)
SME	Doanh nghiệp nhỏ và vừa (Small medium enterprises)
SX	Sản xuất
XNK	Xuất nhập khẩu
WB	Ngân hàng thế giới (World Bank)
WTO	Tổ chức thương mại thế giới (World Trade Organisation)
3PL	Nhà cung cấp dịch vụ logistics bên thứ 3 (Third Party Logistics Provider)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	9
------------	---

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHI PHÍ VÀ NĂNG LỰC LOGISTICS	11
---	-----------

1.1. Khái quát chung về logistics	11
1.1.1. Khái niệm về logistics	11
1.1.2. Đặc điểm của logistics	12
1.1.3. Vai trò của logistics	13
1.1.4. Các yếu tố cấu thành hệ thống logistics	15
1.2. Khái luận về chi phí logistics	20
1.2.1. Chi phí logistics doanh nghiệp	20
1.2.2. Chi phí logistics quốc gia	46
1.3. Khái quát chung về năng lực logistics	52
1.3.1. Khái niệm năng lực logistics	52
1.3.2. Tiêu chí đo lường năng lực logistics quốc gia	53
1.3.3. Tiêu chí đo lường năng lực logistics của doanh nghiệp	55

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HỆ THỐNG LOGISTICS CỦA VIỆT NAM	61
---	-----------

2.1. Cơ sở hạ tầng logistics của Việt Nam	61
2.1.1. Cơ sở hạ tầng vận tải đường biển	61
2.1.2. Cơ sở hạ tầng của vận tải đường sông	74
2.1.3. Hạ tầng vận tải đường ô tô	80
2.1.4. Hạ tầng vận tải đường sắt	84

2.1.5. Hạ tầng vận tải đường hàng không	89
2.1.6. Công nghệ thông tin trong logistics	90
2.2. Hệ thống pháp luật về logistics	96
2.2.1. Nguồn luật điều chỉnh hoạt động logistics	96
2.2.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về dịch vụ logistics ở Việt Nam	104
2.3. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ logistics (LSP)	105
2.3.1. Đặc điểm của thị trường và Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ logistics	105
2.3.2. Nhân lực trong các doanh nghiệp logistics Việt Nam	108
2.4. Doanh nghiệp sử dụng dịch vụ logistics	109
2.4.1. Tình hình chung về doanh nghiệp sử dụng dịch vụ logistics	109
2.4.2. Thực trạng hoạt động logistics trong các doanh nghiệp sản xuất và XNK	111
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG CHI PHÍ VÀ NĂNG LỰC LOGISTICS TẠI VIỆT NAM	113
3.1. Chi phí và năng lực logistics của doanh nghiệp Việt Nam	113
3.1.1. Thực trạng chi phí và năng lực logistics của doanh nghiệp sản xuất và xuất nhập khẩu	113
3.1.2. Thực trạng chi phí logistics của các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ logistics	122
3.2. Năng lực logistics của Việt Nam theo đánh giá của WB	125

3.2.1. Đánh giá chung về năng lực logistics của Việt Nam theo đánh giá của WB	125
3.2.2. Liên hệ chỉ số năng lực logistics với thực trạng hệ thống logistics ở Việt Nam	128
3.2.3. Một số vấn đề đặt ra trong cải thiện năng lực logistics ở Việt Nam	130
3.3. Khó khăn trong tối ưu chi phí và cải thiện năng lực logistics của Việt Nam	134
3.3.1. Khó khăn từ môi trường bên ngoài	134
3.3.2. Khó khăn từ bên trong doanh nghiệp	138
CHƯƠNG 4: NGHIÊN CỨU KINH NGHIỆM TỐI ƯU CHI PHÍ VÀ CẢI THIỆN NĂNG LỰC LOGISTICS CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA	143
4.1. Kinh nghiệm tối ưu chi phí và cải thiện năng lực logistics từ Thái Lan	143
4.1.1. Khái quát hệ thống logistics của Thái Lan	143
4.1.2. Thực trạng chi phí logistics tại Thái Lan	149
4.1.3. Biện pháp tối ưu chi phí và cải thiện năng lực logistics của Thái Lan	152
4.2. Kinh nghiệm tối ưu chi phí và cải thiện năng lực logistics từ Nhật Bản	154
4.2.1. Khái quát về hệ thống logistics ở Nhật Bản	154
4.2.2. Chi phí logistics ở Nhật Bản	156
4.2.3. Biện pháp tối ưu hóa chi phí và nâng cao năng lực logistics ở Nhật Bản	159
4.3. Bài học kinh nghiệm rút ra	161

CHƯƠNG 5: ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP TỐI ƯU CHI PHÍ VÀ CẢI THIỆN NĂNG LỰC LOGISTICS CỦA VIỆT NAM 163

5.1. Xu hướng phát triển logistics trên thế giới	163
5.1.1. Ứng dụng công nghệ trong logistics	163
5.1.2. Xu hướng thuê ngoài dịch vụ logistics	165
5.1.3. Xu hướng hợp tác logistics	167
5.1.4. Phương pháp quản lý logistics kéo (Pull)	168
5.2. Xu hướng phát triển logistics tại Việt Nam	170
5.2.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động logistics	170
5.2.2. Xu hướng thuê ngoài và liên kết	173
5.3. Giải pháp tối ưu chi phí logistics và nâng cao năng lực logistics cho Việt Nam	174
5.3.1. Giải pháp từ phía doanh nghiệp	174
5.3.2. Giải pháp đối với quản lý Nhà nước	179
Tài liệu tham khảo	196

LỜI MỞ ĐẦU

Dịch vụ logistics đã xuất hiện ở Việt Nam từ những năm 1990 nhưng chỉ đến năm 2005 mới được luật hóa và hai năm sau, Chính phủ mới ban hành Nghị định số 140/2007/NĐ-CP quy định chi tiết về điều kiện kinh doanh dịch vụ logistics và giới hạn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics, sau đó được thay thế bởi Nghị định 163/2018/NĐ-CP. Thị trường đối với dịch vụ này đã bắt đầu khởi sắc và có những thành công đáng kể. Cơ sở hạ tầng cho việc thực hiện dịch vụ logistics cũng có những tiến bộ rõ rệt. Tại các cảng biển lớn, dàn máy móc cũ, lạc hậu đã dần được thay thế bằng các máy móc, phương tiện hiện đại hơn, quy mô hơn. Diện tích bến bãi, cầu tàu được mở rộng hơn để đáp ứng lượng hàng hóa xuất nhập khẩu đang ngày càng gia tăng. Chính phủ và các nhà quản lý cũng đã nhận thức được tầm quan trọng của dịch vụ logistics trong hoạt động kinh tế.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày nay, để tăng lợi nhuận doanh nghiệp không thể chỉ giảm chi phí sản xuất và chi phí nhân công mà tối ưu chi phí logistics được coi là cách tăng lợi nhuận hiệu quả nhất. Đây là nhân tố hết sức quan trọng đánh giá khả năng cạnh tranh của một doanh nghiệp cũng như của một quốc gia, nó cho phép quốc gia và doanh nghiệp phát huy được lợi thế so sánh của mình. Doanh nghiệp có thể củng cố vị trí của mình trên thị trường thông qua tối ưu chi phí logistics, vì nó sẽ giúp giảm chi phí hàng hóa và dịch vụ. Nhờ đó, vị thế cạnh tranh của quốc gia trên trường quốc tế sẽ được cải thiện. Vì thế việc phân tích chi phí logistics - hay phân tích năng lực (logistics performance) sẽ là chìa khóa quan trọng để quản lý thành công hoạt động logistics. Hơn thế nữa chỉ khi nào phân

tích kỹ các bộ phận cấu thành chi phí logistics thì mới biết nên giảm chi phí nào nhiều nhất nhằm giảm chi phí tổng thể.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đang phải từng bước thực hiện các cam kết về việc mở cửa thị trường. Với quy mô vừa và nhỏ, các doanh nghiệp Việt Nam đang phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh đến từ các doanh nghiệp nước ngoài. Để tăng khả năng cạnh tranh cho mình, các doanh nghiệp cần phải tối ưu chi phí. Khi việc cắt giảm chi phí liên quan đến nguyên nhiên vật liệu, nhân công... trở nên khó khăn thì các doanh nghiệp đang quan tâm nhiều hơn tới việc cắt giảm chi phí logistics.

Với hy vọng đem tới cho các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách cũng như các nhà quản lý, các doanh nghiệp, hiểu rõ hơn về tối ưu chi phí logistics và đánh giá năng lực logistics (logistics performance) tại Việt Nam, các bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể học tập từ các nước có nhiều tương đồng với Việt Nam, đặc biệt là các giải pháp và chính sách nhằm nâng cao năng lực của hệ thống logistics của Việt Nam, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn sách: ***“Chi phí và năng lực logistics tại Việt Nam”***.

Trong quá trình biên soạn cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý vị độc giả để các lần xuất bản sau được tốt hơn.

BAN BIÊN SOẠN

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHI PHÍ VÀ NĂNG LỰC LOGISTICS

1.1. Khái quát chung về logistics

1.1.1. Khái niệm về logistics

Có rất nhiều khái niệm khác nhau về logistics trên thế giới và được xây dựng căn cứ trên ngành nghề và mục đích nghiên cứu về logistics. Trước những năm 1980, logistics được hiểu là “Các hoạt động phân phối vật chất và quản lý kho bãi trong lưu thông thành phẩm và dịch vụ”. Đây là quan niệm logistics theo nghĩa hẹp, theo đó logistics chỉ gắn với các hoạt động liên quan đến đầu ra của sản xuất như vận tải, phân phối, quản lý hàng tồn kho, đóng gói, bao bì, bảo quản,...

Một định nghĩa được giới chuyên môn quan tâm nhiều hơn, được đưa ra bởi Hội đồng quản lý logistics của Mỹ (CLM)¹. “*Logistics là quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát quá trình lưu chuyển, dự trữ hàng hóa, dịch vụ và những thông tin liên quan từ điểm xuất phát đầu tiên đến nơi tiêu thụ cuối cùng sao cho hiệu quả và phù hợp với yêu cầu của khách hàng*”. Định nghĩa này khá hoàn thiện, thể hiện được sự quản lý dòng hàng hóa từ khi còn là nguyên liệu thô trở thành sản phẩm và cuối cùng bị loại bỏ. Logistics ở đây bao gồm các hoạt động liên quan cả dòng hàng hóa và dịch vụ. Ngoài ra, định nghĩa còn cho thấy logistics là một quá trình, bao gồm tất cả các hoạt động ảnh hưởng đến việc sản xuất hàng hóa và dịch vụ có sẵn theo thời gian và địa điểm mà khách hàng yêu cầu.

¹ CLM – the Council of Logistics Management – một tổ chức chuyên nghiệp các nhà quản lý, giáo dục, các chuyên gia về logistics, được thành lập năm 1962 tại Mỹ.